

Bản án số: 72/2025/DS-ST
Ngày: 28-4-2025
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN, TỈNH QUẢNG NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phi Long

2. Ông Nguyễn Lương Thành

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Như Quỳnh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Nhật Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 441/2024/TLST-DS ngày 14/11/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2025/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Đoàn Thị B, sinh năm: 1974; Nơi ĐKKHKT: Phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn V, sinh năm: 1996 và bà Phan Thị T, sinh năm: 1996; Cùng địa chỉ: 52 đường số 3, thôn H, xã Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Mai Thị L, sinh năm: 1973; trú tại: Thôn H, xã Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Nguyên đơn - bà Đoàn Thị B trình bày:** Vào năm 2022, bà Mai Thị L có nợ bà số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và bà L giao cho bà giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đảm bảo việc trả nợ. Sau đó, bà L có ý định bán nhà cho người khác nên bà yêu cầu cơ quan Nhà nước can thiệp để giải quyết số tiền bà L còn nợ. Để thuận lợi cho việc bà L chuyển nhượng nhà, đất cho người khác thì vợ chồng anh V, chị T (cháu gọi bà L bằng dì ruột) đã đứng ra nhận trách nhiệm trả số tiền bà L còn nợ là 300.000.000 đồng và vợ chồng chị T, anh V đã trả tiền mặt số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng); số tiền còn lại 200.000.000 đồng vợ chồng

chị T, anh V viết giấy nhận nợ với nội dung: Vợ chồng tôi có mượn của chị Đoàn Thị B số tiền 200.000.000 đồng, thỏa thuận mỗi tháng trả 3.000.000 đồng, thời gian trả bắt đầu từ ngày 15/01/2024 cho đến khi trả xong số nợ trên. Nếu các tháng tiếp theo không trả thì đồng ý xử lý một lần, nếu bán nhà được thì đồng ý trả ngay một lần số nợ trên. Tuy nhiên, sau khi viết giấy nhận nợ, vợ chồng anh V, chị T trả được 04 tháng với tổng số tiền 12.000.000 đồng thì không tiếp tục trả nữa. Do vợ chồng anh V, chị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh V, chị T phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền còn nợ là 188.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ tháng 5/2024 đến nay với lãi suất 0,8%/tháng. Tổng số tiền bà B yêu cầu vợ chồng anh V, chị T phải trả cho bà tính đến ngày 28/4/2025 là 204.544.000 đồng.

- *Bị đơn chị T trình bày:* Vợ chồng tôi và bà Mai Thị L có mối quan hệ dì cháu trong gia đình. Tôi thừa nhận vào ngày 04/12/2023, vợ chồng tôi có viết giấy vay nợ số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*), nhưng thực tế vợ chồng tôi không nhận số tiền trên. Khi bà L làm thủ tục chuyển nhượng nhà, đất cho mẹ tôi thì do gặp khó khăn chỗ bà B cản trở nên vợ chồng tôi mới viết giấy vay tiền nhận trách nhiệm trả nợ cho bà B số tiền mà bà L còn nợ. Mục đích của việc viết giấy vay tiền trên là để vợ chồng tôi lấy tiền của bà Mai Thị L trả cho bà B, vì khoản nợ trên là của bà L nợ bà B chứ vợ chồng tôi không có nợ tiền bà B. Sau khi viết giấy vay tiền thỏa thuận trả mỗi tháng 3.000.000 đồng và bà L đã đưa tiền cho vợ chồng tôi trả cho bà B được 04 tháng với số tiền 12.000.000 đồng; hiện nay số tiền còn nợ lại là 188.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi tám triệu đồng*); do khó khăn nên bà L không có khả năng trả nợ cho bà B, nên bà B khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi trả số tiền còn nợ là 188.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 0,8/tháng thì vợ chồng tôi không đồng ý. Do số tiền trên là bà L nợ bà B nên bà L phải có nghĩa vụ trả số tiền trên cho bà B, chứ thực tế vợ chồng tôi không có nợ nên chúng tôi không đồng ý trả nợ cho bà B.

- *Anh Nguyễn V:* Xác nhận giấy vay là do anh V viết và thống nhất với ý kiến của chị T không đồng ý trả số tiền trên cho bà B mà đề nghị bà L phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà B.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Mai Thị L trình bày:* Trước đây bà có nợ bà Đoàn Thị B số tiền 300.000.000 đồng như bà B trình bày là đúng. Năm 2023 do bà nợ Ngân hàng không có khả năng trả nợ nên bà có chuyển nhượng nhà, đất lại cho chị ruột của bà (là mẹ của cháu Phan Thị T). Lúc đó bà còn nợ tiền bà B nên bà B cản trở, gây khó khăn trong việc chuyển nhượng nhà, đất nên bà đã trả cho bà B số tiền 100.000.000 đồng và viết giấy nhận nợ số tiền 200.000.000 đồng, nhưng bà B không đồng ý; bà B yêu cầu phải trả hết số tiền 300.000.000 mới đồng ý cho chuyển nhượng nhà, đất. Vì vậy, vợ chồng cháu T đã đứng ra viết giấy vay nợ bà B số tiền 200.000.000 đồng. Thực chất bà là người trả số tiền trên cho bà Đoàn Thị B và bà đã đưa tiền cho vợ chồng cháu T trả nợ cho bà B được 04 tháng với số tiền 12.000.000 đồng; do điều kiện khó khăn nên bà không có khả năng trả mỗi tháng 3.000.000 đồng theo thỏa thuận. Vì vậy, bà B khởi kiện yêu cầu vợ chồng cháu Nguyễn V, Phan Thị T phải trả số tiền vay còn nợ 188.000.000 đồng và lãi suất 0,8/tháng, số tiền này bà nhận trách nhiệm trả cho bà B và xin trả góp mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, vì số tiền này không liên quan đến vợ chồng Nguyễn V và Phan Thị T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

+ Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Nguyễn V và chị Phan Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà Đoàn Thị B số tiền 188.000.000 đồng và lãi suất theo yêu cầu của bà B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nơi cư trú của bị đơn - anh Nguyễn V và chị Phan Thị T có địa chỉ tại thôn H, xã Đ, thị xã Điện Bàn, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay còn nợ 200.000.000 đồng. Do đó, quan hệ pháp luật giải quyết là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số nợ 200.000.000 đồng thì thấy:* Tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận: Theo giấy thỏa thuận trả nợ ngày 04/12/2023, chị Phan Thị T và anh Nguyễn V có viết giấy nhận trách nhiệm trả nợ cho bà Đoàn Thị B số tiền 200.000.000 đồng. Đây là số tiền mà bà Mai Thị L nợ bà B nhưng anh Ý, chị T ghi giấy nhận trách nhiệm trả nợ, mục đích là để bà B đồng ý cho bà L chuyển nhượng nhà, đất của bà L cho người khác. Sau đó vợ chồng anh Ý, chị T đã trả nợ dần đến nay còn nợ bà B số tiền 188.000.000 đồng. Như vậy, các bên đã thừa nhận số tiền vay còn nợ bà Đoàn Thị B là 200.000.000 đồng và đã trả được 04 tháng với số tiền 12.000.000 đồng nên số tiền còn nợ là 188.000.000 đồng. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó HĐXX có đủ cơ sở để khẳng định hiện nay anh Nguyễn V và chị Phan Thị T còn nợ bà Đoàn Thị B số tiền là 188.000.000 đồng.

Chị T và anh Ý cho rằng thực tế anh, chị không nhận số tiền 200.000.000 đồng của bà B mà số tiền này là bà L nợ bà B, vợ chồng viết giấy nhận nợ thay và thực tế mỗi tháng bà L giao tiền cho vợ chồng trả nợ cho bà B. Vì vậy, bà B khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị T, anh Ý phải trả số tiền trên thì vợ chồng anh Ý, chị T không đồng ý mà yêu cầu bà L phải có nghĩa vụ trả số tiền trên cho bà B.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà B không đồng ý bà L nhận trách nhiệm trả số nợ trên; vì theo bà B số nợ này vào ngày 04/12/2023 đã được bà L chuyển giao nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng chị T, anh V và được bà B đồng ý để vợ chồng anh V, chị T nhận trách nhiệm trả nợ thay. Xét yêu cầu của đương sự thấy rằng: Căn cứ khoản 1 Điều 283 BLDS về việc thực hiện nghĩa vụ thông qua người thứ ba quy định: “*Khi được bên có quyền đồng ý, bên có nghĩa vụ có thể ủy quyền cho người thứ ba thay mình thực hiện nghĩa vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm với bên có quyền, nếu người thứ ba không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ...*” và căn cứ khoản 1 Điều 370 BLDS về chuyển giao nghĩa vụ quy định: “*Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý, trừ trường hợp nghĩa vụ gắn liền với nhân thân của bên có nghĩa vụ*

hoặc pháp luật có quy định không được chuyển giao nghĩa vụ.. ”. Từ những quy định nêu trên, việc bà L chuyển giao nghĩa vụ trả nợ của mình cho vợ chồng chị T, anh V và đã được vợ chồng anh V, chị T chấp nhận nên đã viết giấy vay tiền ngày 04/12/2023; đây được xem là một thỏa thuận mới về việc bàn giao nghĩa vụ trả nợ và được bên có quyền là bà Đoàn Thị B đồng ý. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận, buộc vợ chồng chị Phan Thị T và anh Nguyễn V phải có nghĩa vụ trả cho bà Đoàn Thị B số tiền còn nợ là 188.000.000 đồng.

[2.2.] Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi với lãi suất 08%/năm, tính từ tháng 5 năm 2024 đến nay (11 tháng) với số tiền là 16.544.000 đồng. Xét thấy, theo quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì: “Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”. Như vậy, yêu cầu trả lãi của bà B là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét căn cứ Điều 280, 283, 370, Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị B; buộc vợ chồng anh Nguyễn V và chị Phan Thị T phải có nghĩa vụ trả cho Đoàn Thị B tổng số tiền là 204.544.000 đồng.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 280, 283, 370 và Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị B đối với anh Nguyễn V và chị Phan Thị T về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*.

1. Buộc vợ chồng anh Nguyễn V và chị Phan Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà Đoàn Thị B tổng số tiền là 204.544.000 đồng (*Hai trăm lẻ bốn triệu, năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: **10.227.200 đồng** (*Mười triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm đồng*), buộc vợ chồng anh Nguyễn V và chị Phan Thị T phải chịu. Hoàn trả cho bà Đoàn Thị B số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 5.175.000 (*Năm triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ

phí Tòa án số 0014937 ngày 14/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/4/2025), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thị xã Điện Bàn;
- Chi cục THADS thị xã Điện Bàn;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Văn Thế

